

Số: 06 /2021/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 02 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu tự nguyện đóng góp đối với người cao tuổi có nhu cầu vào sống tại Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 200 TTr-LĐT BXH-BTXH, ngày 24 tháng 11 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng mức thu tự nguyện đóng góp đối với người cao tuổi có nhu cầu vào sống tại Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội.

### **Điều 2. Đối tượng tự nguyện và đơn vị tiếp nhận**

1. Đối tượng tự nguyện: Là người cao tuổi không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội nêu tại khoản 1, 2, 3, 5 Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ nhưng không có điều kiện sống ở gia đình và có nhu cầu vào sống tại Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí (sau đây gọi chung là đối tượng tự nguyện), có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### **2. Đơn vị tiếp nhận:**

Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận đối tượng tự nguyện phải đảm bảo dự phòng 10% chỉ tiêu tiếp nhận đối tượng để ưu tiên tiếp nhận đối tượng chính sách khi có phát sinh.

**Điều 3. Mức thu phí**

1. Đối với người cao tuổi có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân: 3.000.000 đồng/tháng/người.
2. Đối với người cao tuổi không có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân: 3.700.000 đồng/tháng/người.

(Đính kèm bảng phụ lục mức chi)

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 /02/2021.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ Pháp chế- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Sở Tư pháp (Phòng Xây dựng và KTVB);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, To, D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

## PHỤ LỤC

**Quy định mức chi các khoản chi phí đối với người cao tuổi nuôi dưỡng theo hình thức tự nguyện tại Trung tâm nuôi dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/UBND ngày tháng năm 2021)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tiền ăn	Đồng/người/tháng	900.000
2	Vật dụng sinh hoạt: Khăn, kem, bột, xà phòng giặt tắm, giấy vệ sinh...	Đồng/người/tháng	100.000
3	Điện, nước, sinh hoạt văn hoá, phục hồi chức năng	Đồng/người/tháng	100.000
4	Khấu hao TSCĐ, thuế thu nhập	Đồng/người/tháng	250.000
5	Chi phí phục vụ, chăm sóc, cấp dưỡng, tiếp phẩm, quản lý hàng tháng		
5.1	Chi phí phục vụ chăm sóc người cao tuổi tự phục vụ	Đồng/người/tháng	894.000 (Hệ số 0,6 x 1.490.000)
5.2	Chi phí phục vụ chăm sóc người cao tuổi không tự phục vụ	Đồng/người/tháng	1.490.000 (Hệ số 1 x 1.490.000)
5.3	Cấp dưỡng, tiếp phẩm	Đồng/người/tháng	447.000 (Hệ số 0,3 x 1.490.000)
5.4	Quản lý phí hàng tháng	Đồng/người/tháng	150.000
6	Bảo hiểm Y tế đối với những đối tượng chưa có BHYT		4,5% x mức lương cơ sở x số tháng thực tế
7	Chi phí điều trị, thuốc uống bệnh thông thường		
7.1	Đối với người cao tuổi không tự phục vụ	Đồng/người/tháng	200.000
7.2	Đối với người cao tuổi còn khả năng tự phục vụ	Đồng/người/tháng	150.000
8	Chi phí nuôi bệnh (Khi đi Bệnh viện điều trị)	Đồng/người/ngày	50.000
	<b>Tổng cộng:</b>		
	- Người cao tuổi tự phục vụ	Đồng/người/tháng	3.000.000
	- Người cao tuổi không tự phục vụ	Đồng/người/tháng	3.700.000